

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2026/DSST
Ngày 14/01/2026
*V/v tranh chấp: "Yêu cầu tuyên
bố Văn bản công chứng vô hiệu"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - TP HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Mai Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Dừa

Ông Nguyễn Văn Lương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Cán bộ Toà án
nhân dân Khu vực 3 - TP Hà Nội

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3, TP Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Chu
Thị Hồng Nhung - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 3, TP Hà Nội xét xử
sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1391/2025/TLST-DS ngày 01/12/2025 về "*Yêu cầu tuyên
bố Văn bản công chứng vô hiệu*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 832/2025/QĐST-DS
ngày 24/12/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2026/QĐST-DS ngày 05/01/2026 của
TAND Khu vực 3-TP Hà Nội, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc B - SN 1962 (Có mặt)

CCCD số 014162000021 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về
trật tự xã hội - Bộ Công an; HKTT: số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội; Cư trú tại:
Số 25, dãy B1, Khu tập thể A23 - B, phường K, TP Hà Nội

- Bị đơn: Văn phòng Công chứng H

Trụ sở ĐKKD: B101 (VP B101) tầng 1 và B201 (VP B201), tầng 2, Tòa nhà H 75
đường T, phường V, TP Hà Nội

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Minh Đ - SN 1984; CCCD số 036084021386 cấp
ngày 18/10/2024 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Chức
vụ: Trưởng Văn phòng (Ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Bùi Phạm K - SN 1960; CCCD số 014060000032 cấp ngày 13/10/2020 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Cư trú tại: 13/9 phố K, phường N, TP Hồ Chí Minh

2/ Ông Bùi Phạm K1 - SN 1964; CCCD số 012064000008 cấp ngày 09/5/2023 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Cư trú tại: P209, Nhà B1, Tập thể T, phường K, TP Hà Nội

Ông Bùi Phạm K và ông Bùi Phạm K1 ủy quyền cho bà Bùi Thị Ngọc B thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án (Giấy ủy quyền số công chứng 2451/2025/CCGD ngày 14/11/2025 tại Văn phòng Công chứng L, TP Hà Nội)

3/ Bà Bùi Thị Huyền B1 - SN 1961; CCCD số 012161000002 cấp ngày 29/7/2022 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Cư trú tại: nhà 6, dãy C2, Khu tập thể A23 - B, phường K, TP Hà Nội

4/ Bà Bùi Thị Hường B2 - SN 1972; CCCD số 024172014728 cấp ngày 10/7/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội - Bộ Công an; Cư trú tại: TDP số 13, phường T, TP Hà Nội

Bà Bùi Thị Huyền B1 và bà Bùi Thị Hường B2 ủy quyền cho bà Bùi Thị Ngọc B thay mặt tham gia tố tụng tại Tòa án (Giấy ủy quyền số công chứng 2552/2025/CCGD ngày 25/11/2025 tại Văn phòng Công chứng H, TP Hà Nội)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 27/11/2025 và các văn bản tiếp theo, nguyên đơn là bà Bùi Thị Ngọc Bích trình bày:

Bố đẻ bà là ông Bùi Văn T, mẹ đẻ là cụ Phạm Thị H. Cụ T chết ngày 11/01/2018, cụ H chết ngày 18/10/2004. Cụ T và cụ H có 05 người con chung gồm: ông Bùi Phạm K - SN 1960, bà Bùi Thị Huyền B1 - SN 1961, bà Bùi Thị Ngọc B - SN 1962, ông Bùi Phạm K1 - SN 1964, bà Bùi Thị Hường B2 - SN 1972. Ngoài ra cụ T, cụ H không có con chung, con nuôi hay con riêng nào khác.

Ngày 11/9/2017, cụ T cùng với 05 người con đẻ nói trên đến Văn phòng Công chứng H (trụ sở: 1253 đường G - Hà Nội) lập “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” số công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyển số 03. Theo đó, cụ T cùng với 05 người con là ông

Bùi Phạm K, bà Bùi Thị Huyền B1, bà Bùi Thị Ngọc B, ông Bùi Phạm K1, bà Bùi Thị Hương B2 thống nhất khai nhận: thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6G-II-36 diện tích 90,67m² (trên đất có ngôi nhà bê tông 02 tầng diện tích xây dựng 58m², tổng diện tích sử dụng là 110m²) tại địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng cụ Bùi Văn T và cụ Phạm Thị H. Nhà đất này đã được UBND quận Đ, Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109252807 ngày 14/6/2004 mang tên ông Bùi Văn T và bà Phạm Thị H. Cụ T và 05 người con nói trên là đồng thừa kế hàng thứ nhất theo pháp luật của cụ Phạm Thị H. Các đồng thừa kế của cụ H thống nhất đồng ý tặng cho ông Bùi Phạm K toàn bộ nhà đất nêu trên. Đồng thời cụ T đồng ý tặng cho ông Bùi Phạm K toàn bộ phần tài sản riêng của cụ T trong khối tài sản chung với cụ H. Sau khi khai nhận và tặng cho, ông Bùi Phạm K được mang tên, được sở hữu sử dụng, được định đoạt ký kết hợp đồng mua, bán, cho nhà đất này. Sau đó, vì một số lý do nên cụ T và 05 người con nói trên chưa đến cơ quan chức năng để sang khối tài sản nêu trên cho ông K ngay được. Gần đây, gia đình bà đã tiến hành đăng ký biến động để làm thủ tục sang tên cho ông K theo Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế nêu trên. Tuy nhiên, ngày 30/6/2025, tại Công văn số 5652/CNKV của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh khu vực B về việc trả hồ sơ tại địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội đã trả lời: do Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế nêu trên có nội dung không phù hợp với quy định của pháp luật nên Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh khu vực B không giải quyết và trả hồ sơ đối với việc đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất cho gia đình bà.

Hiện nay cụ T đã chết nên việc đăng ký biến động để sang tên nhà đất nêu trên cho ông K theo Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế (đã công chứng tại Văn phòng Công chứng H ngày 11/9/2017) là không thực hiện được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” số công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyển số 03 ngày 11/9/2017 tại Văn phòng Công chứng H. Các đồng thừa kế của cụ T, cụ H đều nhất trí ủy quyền cho bà thay mặt tham gia tố tụng và quyết định mọi vấn đề liên quan đến Văn bản công chứng này. Ngoài ra bà không có ý kiến hay đề nghị gì khác.

Tại văn bản ngày 04/12/2025, bị đơn là Văn phòng Công chứng H, TP Hà Nội do ông Phạm Minh Đ, Trưởng Văn phòng, là đại diện theo pháp luật trình bày:

Ngày 11/9/2017, Văn phòng Công chứng H đã công chứng “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” (công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyển số 03) của gia đình cụ Bùi Văn T và 05 người con để nói trên theo quy định tại khoản 1 Điều 50 - Luật Công chứng 2024. Tại Thông báo số 336/TB-STP ngày 08/12/2024 của Sở Tư pháp thành phố Hà Nội (tại vấn đề 8) cho phép thực hiện 02 hợp đồng tặng cho và văn bản khai nhận đồng thời. Tuy nhiên, tại Quyết định số 5630/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 (về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai trên địa bàn TP Hà Nội) và Quyết định số 6537/QĐ-UBND ngày 22/12/2024 (về việc phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn TP Hà Nội) thì Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ngừng việc thực hiện hai thủ tục tặng cho và khai nhận song song với nhau. Do đặc thù công việc nên Văn phòng Công chứng H đề nghị được xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Bà Bùi Thị Ngọc B vẫn giữ nguyên quan điểm như trên. Bà B trình bày: sau khi cụ T và các con lập Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế nêu trên tại Văn phòng Công chứng H, do cụ T ốm yếu đi lại khó khăn, cộng với một số công việc nên gia đình bà chưa làm thủ tục sán tên nhà đất nói trên cho ông Bùi Phạm K được. Đến tháng 6/2025, anh chị em trong gia đình mới tiến hành làm thủ tục đăng ký sang tên cho ông K tại Trung tâm phục vụ hành chính công TP Hà Nội - Chi nhánh số 3. Tuy nhiên, ngày 30/6/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh khu vực B đã có văn bản trả lại hồ sơ cho gia đình bà vì lý do Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế nêu trên không phù hợp với quy định của pháp luật. Bà đã đến Văn phòng Công chứng H đề nghị xin hủy Văn bản công chứng này, nhưng do cụ T đã chết nên Văn phòng Công chứng H không thể làm thủ tục hủy được. Do đó, bà thống nhất với các anh chị em trong gia đình gửi đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nói trên. Hiện nay nhà đất tại địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội vẫn do ông Bùi Phạm K trông nom và thờ cúng bố mẹ. Các anh chị em trong gia đình bà chưa phát sinh quyền và nghĩa vụ gì đối với nhà đất này do giấy chứng nhận vẫn đứng tên cụ Bùi Văn T và cụ Phạm Thị H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Hà Nội có quan điểm: Vụ án được giải quyết và đưa ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng;

những người tham gia tố tụng trong vụ án chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Bị đơn có đơn xét xử vắng mặt nên phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: các bên đương sự lập văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế từ năm 2017, nhưng đến năm 2025 các đương sự mới đăng ký biến động tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh khu vực B đã có văn bản không tiếp nhận và trả lại hồ sơ cho gia đình bà Bùi Thị Ngọc B là do chính sách pháp luật của Nhà nước đã thay đổi, “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nói trên không còn phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” số công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyển số 03 ngày 11/9/2017 tại Văn phòng Công chứng H bị vô hiệu. Các bên đương sự không có lỗi trong việc Văn bản công chứng bị vô hiệu nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự và của đại diện Viện Kiểm sát; sau khi nghị án, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật giải quyết*: Xét yêu cầu kiện của nguyên đơn, quan điểm của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật giải quyết của vụ án là “Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu” quy định tại khoản 11 Điều 26 - Bộ luật tố tụng dân sự bổ sung, sửa đổi năm 2025

[2] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án*: Văn phòng Công chứng H có trụ sở tại B101 (VP B101) tầng 1 và B201 (VP B201), tầng 2, Tòa nhà H 75 đường T, phường V, TP Hà Nội, nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND Khu vực 3 - TP Hà Nội theo quy định tại Điều 35; khoản 5 Điều 36; điểm m khoản 2 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025; Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 của Quốc Hội sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là Văn phòng Công chứng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy việc xét xử và

ra bản án vắng mặt đối với đương sự vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 - Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025. “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” trong gia đình cụ Bùi Văn T lập ngày 11/9/2017 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết

[4] **Về thời hiệu:** theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 132 - BLDS 2015 thì thời hiệu yêu cầu Tòa án tuyên bố giao dịch dân sự vô hiệu là 02 năm, kể từ ngày giao dịch được xác lập không tuân thủ quy định về hình thức. Ngày 30/6/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội Chi nhánh Khu vực B ban hành Văn bản số 5652/CNKV về việc trả hồ sơ đăng ký biến động sang tên cho ông Bùi Phạm K (gia đình bà Bùi Thị Ngọc B). Ngày 27/11/2025, nguyên đơn gửi đơn khởi kiện đến TAND Khu vực 3 - TP Hà Nội yêu cầu tuyên bố văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế vô hiệu. Như vậy người khởi kiện vẫn còn thời hiệu khởi kiện vụ án.

[5] **Về nội dung:**

5.1. Cụ Bùi Văn T và cụ Phạm Thị H có 05 người con chung gồm: ông Bùi Phạm K, bà Bùi Thị Huyền B1, bà Bùi Thị Ngọc B, ông Bùi Phạm K1, bà Bùi Thị Hương B2. Ngoài ra cụ T, cụ H không có con chung, con nuôi hay con riêng nào khác. Cụ H chết ngày 18/10/2004, cụ T chết ngày 11/01/2018. Ngày 11/9/2017, cụ T và 05 người con nói trên đã lập “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” số công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyển số 03 tại Văn phòng Công chứng H, TP Hà Nội. Theo đó các bên thống nhất khai nhận: thửa đất số 41, tờ bản đồ số 6G-II-36 diện tích 90,67m² (trên đất có ngôi nhà bê tông 02 tầng diện tích xây dựng 58m², tổng diện tích sử dụng là 110m²) tại địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội là tài sản chung của vợ chồng cụ Bùi Văn T và cụ Phạm Thị H. Nhà đất này đã được UBND quận Đ, Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10109252807 ngày 14/6/2004 mang tên cụ Bùi Văn T và cụ Phạm Thị H. Cụ T và 05 người con nói trên là đồng thừa kế hàng thứ nhất theo pháp luật của cụ H. Các đồng thừa kế của cụ H thống nhất đồng ý tặng cho ông Bùi Phạm K toàn bộ nhà đất địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà Nội. Tại Phần II (trang 4 “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế”) có nội dung thể hiện: cụ Bùi Văn T đồng ý tặng cho ông Bùi Phạm K toàn bộ phần tài sản riêng của cụ T trong khối tài sản chung với cụ H. Tuy nhiên, ngày 30/6/2025, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh Khu vực B đã có Văn bản số 5652/CNKV không tiếp nhận và trả lại hồ sơ đăng ký biến động tại địa chỉ số 95 phố Đ, phường P, quận Đ, TP Hà

Nội cho ông Bùi Phạm K (và cho Trung tâm phục vụ hành chính công TP Hà Nội - Chi nhánh số 3). Lý do trả lại: theo quy định tại khoản 1 Điều 459 - BLDS 2015 thì quy trình tặng cho bất động sản phải lập thành văn bản có công chứng, chứng thực và phải đăng ký quyền sở hữu. Do vậy, đối với việc tặng cho phần tài sản riêng của cụ Bùi Văn T trong khối tài sản chung cùng cụ Phạm Thị H (người nhận là ông Bùi Phạm K) thì phải lập hợp đồng tặng cho theo quy định. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 19 - Nghị định 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ, Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh Khu vực B không tiếp nhận và trả lại hồ sơ giải quyết thủ tục đăng ký đất đai và tài sản gắn liền với đất cho người yêu cầu đăng ký do không đảm bảo tính thống nhất nội dung thông tin giữa các giấy tờ theo quy định.

Như vậy, đối chiếu với quy định tại khoản 2 Điều 117, Điều 122, Điều 129 - BLDS 2015 thì “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nêu trên đã bị vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức. Mặt khác, cụ Bùi Văn T đã chết ngày 11/01/2018 nên hiện nay các bên không thể làm thủ tục hủy “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nêu trên tại Văn phòng Công chứng H được. Về phía người bị kiện là Văn phòng Công chứng H cũng thừa nhận vào thời điểm lập Văn bản công chứng nêu trên, Sở Tư pháp thành phố Hà Nội vẫn cho phép thực hiện hợp đồng tặng cho và văn bản khai nhận đồng thời trong cùng một văn bản công chứng. Tuy nhiên, hiện nay thì Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ngừng việc thực hiện thủ tục tặng cho và thủ tục khai nhận di sản thừa kế song song với nhau.

5.2. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy: “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” được các đồng thừa kế hàng thứ nhất theo pháp luật của cụ Phạm Thị H là cụ Bùi Văn T, ông Bùi Phạm K, bà Bùi Thị Huyền B1, bà Bùi Thị Ngọc B, ông Bùi Phạm K1, bà Bùi Thị Hương B2 lập ngày 11/9/2017 tại Văn phòng Công chứng H - TP Hà Nội, nhưng đã bị cơ quan có thẩm quyền không tiếp nhận và trả lại hồ sơ đăng ký biến động do không tuân thủ quy định bắt buộc về hình thức. Đây là do chính sách pháp luật của Nhà nước thay đổi, các bên hoàn toàn không có lỗi trong việc Văn bản công chứng nêu trên không thực hiện được. Do vậy, hiện nay bà Bùi Thị Ngọc B có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của bà Bích là có căn cứ nên được chấp nhận.

5.3. Về hậu quả pháp lý khi tuyên bố Văn bản công chứng vô hiệu: do “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” nêu trên không thực hiện được nên không làm phát sinh

quyền và nghĩa vụ của các bên. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét hậu quả pháp lý đối với việc tuyên văn bản công chứng vô hiệu.

[6] **Về án phí:** Theo quy định tại Điều 2 - Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: bà Bùi Thị Ngọc B thuộc trường hợp là người cao tuổi quy định (trên 60 tuổi) nên bà B được miễn án phí dân sự sơ thẩm

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Khoản 11 Điều 26; khoản 5 Điều 36; điểm m khoản 2 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; các Điều 271, 273 - Bộ luật tố tụng dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2025

- Luật số 85/2025/QH15 ngày 01/7/2025 của Quốc Hội sửa đổi một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự

- Các Điều 116, 117, 119, 122, 129, 131 - BLDS 2015

- Các Điều 52, 57 - Luật Công chứng 2014

- Điều 2 - Luật Người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 - Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Điều 26 - Luật Thi hành án

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Ngọc B

2. Tuyên bố “Văn bản khai nhận và thỏa thuận di sản thừa kế” số công chứng 1447.2017/TTVKNTK, quyền số 03 lập ngày 11/9/2017 tại Văn phòng Công chứng H, TP Hà Nội bị vô hiệu

3. Không giải quyết hậu quả pháp lý về việc tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Ngọc B được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm

5. Về quyền kháng cáo:

Bà Bùi Thị Ngọc B, ông Bùi Phạm K, bà Bùi Thị Huyền B1, ông Bùi Phạm K1, bà Bùi Thị Hương B2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án

Văn phòng Công chứng H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 - Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Nội
- VKSND Khu vực 3, TP Hà Nội
- TAND TP Hà Nội
- Các đương sự
- THA dân sự Khu vực 3, TP Hà Nội.
- Lưu HS, VP

Đỗ Thị Mai Thu

